

QUỐC HỘI KHÓA XV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 140/ĐĐBQH-VP

Gia Lai, ngày 26 tháng 9 năm 2022

V/v bộ, ngành trả lời kiến nghị của cử tri
tỉnh Gia Lai gửi trước và sau kỳ họp
thứ ba, Quốc hội khóa XV

Kính gửi:

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Xây dựng;
Giao thông Vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông
thôn; Lao động - Thương binh và Xã hội; Nội vụ;
Khoa học và Công nghệ;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh; Ban Dân tộc
tỉnh; Công an tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết liên tịch số 525/2012/NQLT/UBTVQH13-ĐCTUBTWMTTQVN ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh đã tổ chức các hội nghị tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp thứ ba, Quốc hội khóa XV và có các báo cáo^(*) tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, chỉ đạo Ban Dân nguyện chuyển kiến nghị của cử tri tới Chính phủ và các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức hữu quan ở Trung ương để xem xét giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị cử tri. Đến nay, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội và một số bộ, ban, ngành có văn bản trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai gồm:

- Công văn số 1213/UBKT15 ngày 31/8/2022 của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Công văn số 2906/LĐTBXH-VP ngày 05/8/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Công văn số 1485/UBDT-CSDT ngày 09/9/2022 của Ủy ban Dân tộc;

(*) Báo cáo số 32/BC-ĐĐBQH ngày 11/5/2022; Báo cáo số 44/BC-ĐĐBQH và Báo cáo số 45/BC-ĐĐBQH ngày 28/6/2022.

- Công văn số 8764/BTC-QLCS ngày 05/9/2022, Công văn số 8812/BTC-HCSN ngày 06/9/2022, Công văn số 9378/BTC-HCSN ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính;

- Công văn số 4128/BXD-TTr ngày 14/9/2022, Công văn số 4244/BXD-QHKT ngày 21/9/2022 của Bộ Xây dựng;

- Công văn số 9509/BGTVT ngày 16/9/2022 của Bộ Giao thông Vận tải;

- Công văn số 4590/BNV-TL ngày 17/9/2022 của Bộ Nội vụ;

- Công văn số 3262/BCA-V01 ngày 20/9/2022 của Bộ Công an;

- Công văn số 6291/BNN-TCLN, Công văn số 6293/BNN-KTHT, Công văn số 6294/BNN-TCLN ngày 21/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

(Gửi kèm các văn bản của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội và một số bộ, ban, ngành nêu trên).

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh thông báo để các cơ quan nghiên cứu trong quá trình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật và phổ biến cho cử tri biết.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Các ĐBQH khóa XV tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Đăng website Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo các phòng: CTQH, CTHĐND, DN-TT;
- Lưu: VT, CTQH.

**TL. TRƯỞNG ĐOÀN
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Lê Thanh Hùng

QUỐC HỘI KHÓA XV
ỦY BAN KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1213/UBKT15

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2022

V/v trả lời kiến nghị của cử tri sau
kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH GIA LAI

Số: 5452

ĐẾN Ngày: 07.9.2022

Chuyển: Ban Dân nguyện của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến Ủy ban

Số và ký hiệu HS: Kinh tế của Quốc hội ý kiến của cử tri do Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai,

gửi đến kiến nghị Quốc hội có kế hoạch giám sát, đánh giá để chấn chỉnh, điều chỉnh, bổ sung các chính sách, chủ trương nhằm triển khai tốt hơn Luật Hợp tác xã trong thời gian tới.

Ủy ban Kinh tế của Quốc hội xin trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri như sau:

Ủy ban Kinh tế xin ghi nhận sự quan tâm, kiến nghị có tâm huyết, trách nhiệm của cử tri tỉnh Gia Lai về việc đề nghị Quốc hội giám sát, đánh giá việc thực hiện Luật Hợp tác xã hiện nay. Ủy ban Kinh tế sẽ nghiên cứu đề kiến nghị với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cũng như căn cứ vào hoạt động của Ủy ban để có kế hoạch tăng cường sự giám sát trong lĩnh vực này để đưa ra các kiến nghị, giải pháp với Chính phủ trong việc triển khai Luật Hợp tác xã trong thời gian tới.

Trên đây là ý kiến của Ủy ban Kinh tế trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai. Ủy ban Kinh tế mong rằng, trong thời gian tới tiếp tục nhận được sự quan tâm của cử tri.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c CN UBKT (để b/c);
- Ban Dân nguyện của UBTƯQH;
- Lưu: HC, KT.
- Epas: 73399

TM. ỦY BAN KINH TẾ

KT. CHỦ NHIỆM

PHÓ CHỦ NHIỆM



Đoàn Thị Thanh Mai

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **2906/LĐTBXH-VP**

Hà Nội, ngày **05** tháng **8** năm **2022**

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới
trước kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XV

Kính gửi:

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH GIA LAI	
Số:.....	5526.....
ĐẾN	Ngày: 10/9/2022
Chuyển:	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được kiến nghị của cử tri các tỉnh: Hà Giang, Gia Lai, Đắk Nông do Ban Dân nguyện, Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến tại Công văn số 487/BDN ngày 14/6/2022, nội dung như sau:
Số và ký hiệu HS	

- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Giang;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Nông.

“Đề nghị trình Quốc hội sửa đổi khoản 2 Điều 17 Luật Người cao tuổi năm 2009 theo hướng: Người từ đủ 80 tuổi trở lên có lương hưu cũng được hưởng chính sách bảo trợ xã hội; đồng thời, quyết định theo hướng giảm độ tuổi được hưởng chính sách bảo trợ xã hội.” (Kiến nghị số 57)

“Đề nghị xem xét nghiên cứu trình sửa đổi khoản 2, Điều 17 Luật Người cao tuổi theo hướng hạ độ tuổi người được hưởng chính sách bảo trợ xã hội từ 80 tuổi xuống 70 hoặc 75 tuổi đối với những đối tượng là người dân tộc thiểu số và người đang sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn.” (Kiến nghị số 58)

“Kiến nghị xem xét trình sửa đổi, bổ sung Luật Người cao tuổi Việt Nam cho phù hợp với thực tế hiện nay. Đặc biệt, chú ý đến một số nội dung sau: thống nhất tên gọi chung cơ quan tổ chức Hội từ Trung ương đến cơ sở; địa vị của Hội Người cao tuổi cho tương xứng với vị trí, vai trò của người cao tuổi; chế độ, chính sách đối với người cao tuổi cần nâng cao hơn nhưng giảm độ tuổi được thụ hưởng xuống; các nội dung có liên quan đến cán bộ hội...” (Kiến nghị số 133)

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trả lời như sau:

Tiếp thu ý kiến của cử tri, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chức năng tổng hợp ý kiến cử tri, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trong quá trình nghiên cứu, sửa đổi Luật Người cao tuổi.

Trên đây là trả lời của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội các tỉnh: Hà Giang, Gia Lai, Đắk Nông để trả lời kiến nghị của cử tri. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đoàn Chủ tịch UBTTQVN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ nhiệm VPQH;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Bộ LĐTBXH: Lãnh đạo Bộ, Cục BHXH;
- Thường trực HĐND, UBND, Sở LĐTBXH các tỉnh: Hà Giang, Gia Lai, Đắk Nông;
- Lưu: VT, TH(HQ).

BỘ TRƯỞNG



Đào Ngọc Dung

ỦY BAN DÂN TỘC

Số: **1485** /UBDT-CSDT

V/v trả lời kiến nghị của cử tri sau
kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2022

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH GIA LAI

Số:.....**5543**.....
ĐẾN Ngày: **12/1/2022**
Chuyển:.....**nguyên thuộc**.....
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Dân tộc nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Ban Dân
Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến theo văn bản số
685/ĐĐN ngày 29/7/2022. Nội dung kiến nghị như sau:

*“Đề nghị Ủy ban Dân tộc sớm có hướng dẫn rà soát, sửa đổi, bổ sung
danh sách các thôn đặc biệt khó khăn, các xã khu vực I, khu vực II, khu vực III
thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 để phù
hợp với tình hình thực tiễn của địa phương”.*

Ủy ban Dân tộc xin trả lời như sau:

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các địa phương, căn cứ tiêu chí quy định
tại Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg, Ủy ban Dân tộc đã tham mưu Thủ tướng
Chính phủ ban hành Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 phê
duyet danh sách xã khu vực III, khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân
tộc đã ban hành Quyết định số 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 phê duyệt danh
sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai
đoạn 2021-2025.

Về vấn đề kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, Ủy ban Dân tộc đang tiến hành
khảo sát danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số
và miền núi giai đoạn 2021-2025 phê duyệt tại Quyết định số 612/QĐ-UBDT
ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc và danh sách xã khu vực I, khu vực II, khu
vực III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025
phê duyệt tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính
phủ theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025. Sau khi có kết quả khảo
sát, Ủy ban Dân tộc sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Trên đây là trả lời của Ủy ban Dân tộc đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai và rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để Ủy ban Dân tộc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./

Nơi nhận :

- Như trên;
- Ban Dân nguyện, QH (để b.c);
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBDT;
- Công TTĐT của UBDT;
- Lưu: VT, CSDT (3). 6

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Hầu A Lênh

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8764/BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2022

V/v Trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới
sau kỳ họp thứ 3, Quốc hội khoá XV

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH GIA LAI	
Số:.....	5469
ĐẾN	Ngày: 08/09/2022
Chuyển:.....Bộ Tài chính nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Ban Dân	
Số và ký hiệu HS: nguyên chuyển tới tại Công văn số 685/BDN ngày 29/7/2022 về việc chuyển	

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai.

Bộ Tài chính nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Ban Dân
Số và ký hiệu HS: nguyên chuyển tới tại Công văn số 685/BDN ngày 29/7/2022 về việc chuyển
kiến nghị của cử tri gửi đến sau kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XV, nội dung kiến
nghị như sau:

Nội dung kiến nghị:

Theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ hướng dẫn quản lý tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có các trường hợp xử lý tài sản; tuy nhiên, chưa có hướng dẫn đối với trường hợp: Tài sản là kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhưng tổ chức chủ trì nhiệm vụ không nhận tài sản, đồng thời không có tổ chức, cá nhân nào đề nghị nhận tài sản và hoàn trả giá trị tài sản theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP. Trong khi đó, cơ quan quản lý nhà nước đề nghị được nhận giao quyền sở hữu với hình thức ghi tăng tài sản, tính hao mòn hằng năm và không hoàn trả giá trị tài sản. Điều này gây lúng túng cho cơ quan quản lý nhiệm vụ trong quá trình xử lý tài sản theo quy định, đề nghị Bộ Tài chính có hướng dẫn cụ thể.

Bộ Tài chính xin trả lời như sau:

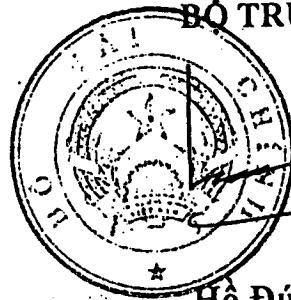
Việc xử lý tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn ngân sách nhà nước đã được quy định cụ thể tại Điều 22 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. Theo đó, tài sản kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ưu tiên giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ; trường hợp tổ chức chủ trì không nhận giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản thì được giao cho tổ chức, cá nhân khác và phải hoàn trả giá trị tài sản. Tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ chưa quy định đối với trường hợp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ không nhận giao tài sản thì được giao cho cơ quan nhà nước khác và không hoàn trả giá trị tài sản (như nội dung nêu của cử tri tỉnh Gia Lai).

Hiện nay, Bộ Tài chính đang thực hiện rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước. Do đó, đối với kiến nghị nêu trên của cử tri tỉnh Gia Lai, Bộ Tài chính xin ghi nhận và nghiên cứu khi báo cáo Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Trên đây là trả lời của Bộ Tài chính đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri. trul

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện - UBTVQH;
- VPQH (Vụ Dân nguyện);
- VPCP (Vụ Quan hệ địa phương);
- HĐND, UBND tỉnh Gia Lai;
- Văn phòng Bộ;
- Vụ Pháp chế;
- Cục THTK (để đăng tải cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLCS, (Trịnh Thu Hiền) *TT*



BỘ TRƯỞNG

Hồ Đức Phúc

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8812 /BTC-HCSN
V/v trả lời kiến nghị của cử tri
gửi đến sau Kỳ họp thứ 3,
Quốc hội khoá XV.

Hà Nội, ngày 06 tháng 09 năm 2022

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBOH VÀ HND	
TỈNH GIA LAI	
Số:.....5483.....	2022
ĐẾN	
Ngày: 09/09/2022	
Chuyển:.....Quốc hội chuyển đến theo công văn số 685/BDN ngày 29/7/2022, Bộ Tài chính có	
Số và ký hiệu HS: ý kiến như sau:	

Kính gửi: Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Nội dung kiến nghị: Đề nghị Bộ Tài chính sớm có Thông tư hướng dẫn Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Bộ Tài chính xin trả lời như sau:

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; Bộ Tài chính đã chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan để trình Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL), trong đó đã thể hiện các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu nêu tại Nghị quyết số 19/NQ-TW và Nghị quyết số 27/NQ-TW.

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, Bộ Tài chính đã có công văn số 8469/BTC-HCSN ngày 29/7/2021 gửi lấy ý kiến các Bộ, địa phương; đồng thời đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Tài chính về dự thảo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL. Bộ Tài chính đã tổng hợp ý kiến của các Bộ, địa phương để hoàn thiện dự thảo Thông tư, trong đó có nhiều ý kiến về cơ chế chi trả tiền lương, thu nhập và phân phối kết quả hoạt động của ĐVSNCL.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19 đến tình hình kinh tế xã hội, ngày 13/11/2021 Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 34/2021/QH15 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, trong đó tại khoản 1 Điều 3 quy định: "*Lùi thời điểm thực hiện cải cách chính sách tiền lương quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 23/2021/QH15 của Quốc hội; ưu tiên điều chỉnh lương hưu cho người nghỉ hưu trước năm 1995*". Theo đó, khi phê duyệt phương án tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, các ĐVSNCL sẽ chưa thực hiện ngay việc chi trả thu nhập cho người lao động theo cơ chế tiền lương mới quy định tại Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, năm 2020-2021, dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến nguồn thu của các ĐVSNCL đặc biệt là đối với các đơn vị trong lĩnh vực y tế và lĩnh vực đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, do đó việc đánh giá tình hình thực hiện phương án tự chủ của giai đoạn trước nhằm mục tiêu đề xuất phương án tự chủ cho giai đoạn tiếp theo sẽ không đảm bảo được tính đầy đủ, khách quan, từ đó, ảnh hưởng đến việc xác định mức độ tự chủ của các đơn vị trong thời kỳ ổn định tiếp theo (Thông báo số 81/TB-VPCP ngày 24/3/2022 về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái – Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá tại cuộc họp ngày 14 tháng 3 năm 2022 về điều hành giá một số mặt hàng quan trọng thiết yếu, trong đó có chỉ đạo “Đối với các hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trước mắt chưa xem xét điều chỉnh tăng giá, tiếp tục giữ ổn định giá để đảm bảo công tác kiểm soát lạm phát chung cũng như góp phần hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân”).

Vì vậy, để có cơ sở pháp lý ban hành Thông tư hướng dẫn cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL phù hợp với bối cảnh tình hình thực tế như đã nêu, Bộ Tài chính đã có 02 văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ/Chính phủ (công văn số 14201/BTC-HCSN ngày 14/12/2021; Tờ trình số 10/TTr-BTC ngày 13/01/2022) đề nghị Chính phủ ban hành Nghị quyết cho phép các ĐVSNCL tiếp tục được thực hiện cơ chế thực hiện cơ chế chi trả thu nhập tăng thêm như trong năm 2021 đến khi chính sách cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW có hiệu lực thi hành. Đối với các nội dung quy định khác về cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL vẫn thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

Tuy vậy, ngày 09/3/2022, Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 1492/VPCP-KTHH thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái về đề xuất của Bộ Tài chính tại các văn bản nêu trên; trong đó: “Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, cơ quan liên quan rà soát các quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; trường hợp có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, các Bộ thống nhất phương án, bảo đảm đúng quy định, đủ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP theo đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật”.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái, Bộ Tài chính đã có công văn số 3074/BTC-HCSN ngày 05/4/2022 đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương đánh giá tình hình thực tế triển khai các quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, trên cơ sở đó đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

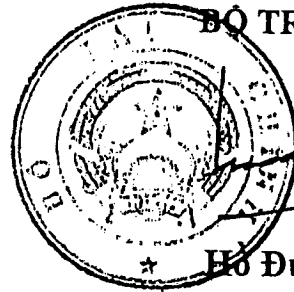
Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các Bộ, địa phương, Bộ Tài chính tiếp tục có công văn số 5412/BTC-HCSN ngày 08/6/2022 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về một số khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và đề xuất Thủ tướng Chính phủ cho phép các đơn vị sự nghiệp công lập được tiếp tục thực hiện phương án tự chủ đã được duyệt đến hết năm 2022 (đối với những đơn vị sự nghiệp công lập chưa được phê duyệt phương án tự chủ tài chính thì thực hiện phê duyệt phương án tự chủ tài chính của năm 2022).

Hiện nay, Bộ Tài chính đang tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương để hoàn thiện nội dung dự thảo Thông tư hướng dẫn cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCL, dự kiến ban hành trong Quý 3/2022.

Trên đây là trả lời của Bộ Tài chính đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai; ✓
- VPQH (Vụ Dân nguyện);
- VPCP (Vụ Quan hệ địa phương);
- UBND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tài chính tỉnh Gia Lai;
- Văn phòng Bộ;
- Cục THTK (để đăng tải cổng TTĐT);
- Lưu: VT, Vụ HCSN, N.T.D.Linh (07b) ✓



BỘ TRƯỞNG

Hồ Đức Phớc

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **9378**/BTC-HCSNHà Nội, ngày **16** tháng **9** năm **2022**V/v trả lời kiến nghị của cử tri
gửi đến sau kỳ họp thứ 3,~~Quốc hội khóa XV.~~VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH GIA LAISố:.....**5683**.....**ĐẾN**Ngày: **18.1.9**./2022

Chuyển:.....

~~Về kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường~~

Số và ký hiệu:

~~Hệ Quốc hội chuyển đến theo công văn số 685/BDN ngày 29/7/2022, Bộ Tài~~

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai!

chính có ý kiến như sau:

1. Nội dung kiến nghị:

Đề nghị Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý tài chính Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia để Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia triển khai hoạt động hỗ trợ tín dụng cho các doanh nghiệp (doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hỗ trợ tín dụng theo Điều 14, Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ).

2. Bộ Tài chính xin trả lời như sau:**2.1. Về Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia:**

a) Điểm a khoản 2 Mục IV Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 giao Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN): “*Tổ chức quản lý và triển khai thực hiện Chương trình theo các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ và tài chính đối với các Chương trình KH&CN cấp quốc gia*”.

Điểm b khoản 2 Mục IV Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 giao Bộ Tài chính: “*Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, bổ sung cơ chế quản lý tài chính để thực hiện Chương trình nếu cần thiết*”.

Ngay sau khi nhận được Quyết định số 118/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã chủ động có công văn số 1597/BTC-HCSN ngày 19/02/2021 và số 8095/BTC-HCSN ngày 22/7/2021 đề nghị Bộ KH&CN:

- Căn cứ quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ và tài chính đối với các Chương trình KH&CN cấp quốc gia để triển khai nghiên cứu sớm các nội dung chuyên môn đã được phê duyệt tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Trong trường hợp Bộ KH&CN thấy cần thiết, đề nghị Bộ KH&CN có ý kiến về sự cần thiết ban hành quy định về quản lý tài chính thực hiện các Chương trình nêu trên; đề xuất các mức chi và nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn. Trên cơ sở đề xuất của Bộ KH&CN, Bộ Tài chính sẽ phối hợp với Bộ KH&CN nghiên cứu việc ban hành văn bản quy phạm pháp

luật hướng dẫn về cơ chế tài chính triển khai thực hiện các Chương trình, làm cơ sở để báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, đến nay, Bộ Tài chính chưa nhận được văn bản trả lời của Bộ KH&CN nên Bộ Tài chính chưa có cơ sở để thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 118/QĐ-TTg nêu trên.

b) Tiếp đó, Bộ Tài chính đã có công văn số 7451/BTC-HCSN ngày 29/7/2022 trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Bộ KH&CN áp dụng các quy định hiện hành về nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN (Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước) để thực hiện nhiệm vụ thuộc các Chương trình được Thủ tướng Chính phủ giao (trong đó có Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030).

Đối với các nhiệm vụ khác thuộc Chương trình không phải là nhiệm vụ KH&CN, đề nghị Bộ KH&CN áp dụng các quy định hiện hành về chế độ chi tiêu của Nhà nước.

Như vậy, trong khi Bộ KH&CN chưa đề xuất để ban hành Thông tư hướng dẫn thì các nội dung của Chương trình được thực hiện theo quy định hiện hành (*Các công văn số 1597/BTC-HCSN ngày 19/02/2021; số 8095/BTC-HCSN ngày 22/7/2021 và số 7451/BTC-HCSN ngày 29/7/2022 kèm theo*).

2.2. Đối với quy định hoạt động hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia:

a) Điều 38 Luật Chuyển giao công nghệ quy định: *Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hỗ trợ thông qua các hình thức sau đây: a) Cho vay ưu đãi; b) Hỗ trợ lãi suất vay; c) Bảo lãnh để vay vốn; d) Hỗ trợ vốn.*

Tại khoản 4 Điều 38 Luật Chuyển giao công nghệ quy định: *Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, quản lý, sử dụng Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.*

b) Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN: *Doanh nghiệp KH&CN thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, ứng dụng kết quả KH&CN, sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN được Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay và bảo lãnh để vay vốn.*

Theo đó, ngày 29/01/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (do Bộ KH&CN chủ trì, trình Thủ tướng Chính phủ), trong đó, các cơ chế chính sách liên quan đến hoạt động tài trợ, cho vay với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay và bảo lãnh để vay vốn thông qua Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia đã được quy định cụ thể tại Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg.

Tại khoản 2 Điều 45 Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg đã giao Bộ KH&CN trên cơ sở quy định tại Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg để ban hành hướng dẫn quản lý các hoạt động hỗ trợ tài chính của Quỹ. Vì vậy, Bộ KH&CN đã ban hành Thông tư số 07/2021/TT-BKH&CN ngày 20/8/2021 hướng dẫn quản lý hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 07/2021/TT-BKH&CN quy định: *Hoạt động hỗ trợ tài chính của Quỹ bao gồm cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn và hỗ trợ vốn theo quy định tại Chương III Điều lệ Quỹ và hướng dẫn của Hội đồng quản lý Quỹ*).

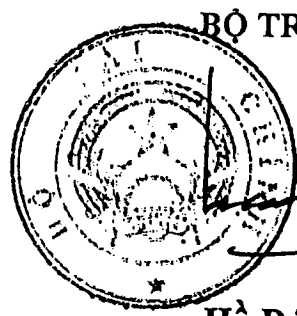
Đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai phản ánh cụ thể về Bộ KH&CN để được xem xét, xử lý.

Trên đây là trả lời của Bộ Tài chính, trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./. *n*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện - UBND tỉnh;
- VPQH (Vụ Dân nguyện);
- VPCP (Vụ Quan hệ địa phương);
- Bộ KH&CN;
- UBND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tài chính tỉnh Gia Lai;
- Văn phòng Bộ;
- Cục THTK (để đăng tải công TTĐT);
- Lưu: VT, Vụ HCSN, N.T.Xuân (09 b) *Xuân*

BỘ TRƯỞNG



Hồ Đức Phức

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4128 /BXD-TTr

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2022

V/v trả lời kiến nghị của cử tri
tỉnh Gia Lai gửi tới QH sau kỳ
họp thứ 3, QH khóa XV

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH GIA LAI

Số:.....5670.....

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

ĐẾN Ngày: 16/9/2022

Chuyển:.....

Số và ký hiệu HS:.....

Bộ Xây dựng nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Văn phòng Chính phủ chuyển đến theo Văn bản số 5060/VPCP-QHĐP ngày 10/8/2022, nội dung kiến nghị: *"Đề nghị hướng dẫn trình tự thực hiện, hướng giải quyết, xử lý đối với các trường hợp xác lập sở hữu toàn dân về nhà ở sau ngày 01/7/2009 để làm cơ sở triển khai thực hiện"*.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng xin trả lời như sau:

Xác lập sở hữu toàn dân là thủ tục pháp lý của Nhà nước đối với các loại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa. Xác lập sở hữu toàn dân được quy định tại: Nghị Quyết số 23/2003/QH11 ngày 25/11/2003 của Quốc hội, Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định số 127/2005/NĐ-CP ngày 10/10/2005 của Chính phủ, Thông tư số 19/2005/TT-BXD ngày 01/12/2005 của Bộ Xây dựng.

Theo quy định thì Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục pháp lý xác lập sở hữu toàn dân đối với các loại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quy định tại Điều 2 Nghị Quyết 23/2003/QH11 gồm: (1) cải tạo nhà đất cho thuê; (2) cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh có liên quan trực tiếp đến nhà đất; (3) quản lý nhà đất của các tổ chức, cá nhân (diện 2/IV) ở các tỉnh, thành phố phía Nam sau ngày giải phóng; (4) quản lý nhà vắng chủ; (5) quản lý nhà đất trong từng thời điểm nhất định và nhà đất của các đoàn hội, tôn giáo; (6) quản lý nhà đất của những người di tản, chuyển vùng hoặc ra nước ngoài.

Điều 3 Nghị định số 127/2005/NĐ-CP ngày 10/10/2005 của Chính phủ, Mục I Thông tư số 19/2005/TT-BXD ngày 01/12/2005 của Bộ Xây dựng quy định về thủ tục pháp lý xác lập sở hữu toàn dân như sau: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát và tổng hợp danh sách các loại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng theo chính sách quy định tại Nghị Quyết số 23/2003/QH11 nhưng trong quá trình quản lý, bố trí sử dụng chưa hoàn thành thủ tục pháp lý xác lập sở hữu toàn dân để Sở Xây dựng hoặc cơ quan có chức năng quản lý nhà cấp tỉnh tổng hợp chung trên địa bàn toàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định xác lập sở hữu toàn dân đối với các loại nhà đất này.

Theo Điều 2 Nghị định số 127/2005/NĐ-CP ngày 10/10/2005 của Chính phủ thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm hoàn thành các thủ tục pháp lý xác lập sở hữu toàn dân đối với các loại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng theo các chính sách quy định tại Điều 2 của Nghị Quyết số 23/2003/QH11 và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 755/2005/NQ-UBTVQH11, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01/7/2009.

Trong quá trình giải quyết các trường hợp cụ thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào nguồn gốc, thực tế sử dụng nhà đất, quá trình quản lý, bố trí sử dụng của Nhà nước, quy định của pháp luật để hoàn thành thủ tục pháp lý xác lập sở hữu toàn dân, đảm bảo quản lý quỹ nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước hiệu quả, đúng quy định pháp luật.

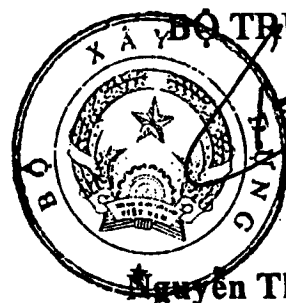
Trên đây là trả lời của Bộ Xây dựng đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai. Bộ Xây dựng thông tin để cử tri và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai được biết.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Dân nguyện thuộc UBTVQH (để b/c);
- Trưởng đoàn ĐB QH tỉnh Gia Lai;
- Văn phòng Quốc hội;
- Lưu: VT, TTr.

lu



Nguyễn Thanh Nghị

BỘ XÂY DỰNG**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4244/BXD-QHKT

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2022

V/v trả lời kiến nghị của cử tri tỉnh
Gia Lai gửi tới Quốc hội sau kỳ
họp thứ 3, Quốc hội khóa XV

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH GIA LAI

Số: 5857/BXD
ĐẾN Ngày: 22/9/2022
Chuyển: văn số 685/BDN ngày 29/7/2022, nội dung kiến nghị như sau:
Số và ký hiệu HS: Câu số 12: “Đề nghị Bộ Xây dựng nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai gửi tới Quốc hội
Ngày: sau kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công

Chuyển: văn số 685/BDN ngày 29/7/2022, nội dung kiến nghị như sau:
Số và ký hiệu HS: Câu số 12: “Đề nghị Bộ Xây dựng kiến nghị cơ quan có thẩm quyền căn
quy định cụ thể tại Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng và các văn bản hướng
dẫn liên quan:

(i) Quy hoạch chung xây dựng sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt
có bắt buộc phải thực hiện theo cấp độ quy hoạch chung đến quy hoạch phân khu
rồi mới lập quy hoạch chi tiết hay không hay có thể lập trực tiếp quy hoạch chi
tiết bỏ qua bước quy hoạch phân khu. Quy mô nào phải lập quy hoạch phân khu.
Quy mô nào được phép lập trực tiếp quy hoạch chi tiết.

(ii) Quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn chưa được quy định rõ ràng,
chồng chéo. Cụ thể: Các xã thuộc thành phố, thị xã vẫn phải lập quy hoạch chung
trong khi quy hoạch chung xây dựng thành phố, thị xã đã được lập, phê duyệt.
Việc này làm cho một vị trí có hai quy hoạch chung.

(iii) Đối với các xã thuộc thành phố, thị xã có thuộc trường hợp phải lập
quy hoạch phân khu làm cơ sở lập quy hoạch chi tiết theo Luật Quy hoạch đô thị
hay không. Hay áp dụng theo quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số
44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ và Thông tư số 02/2017/TT-BXD
ngày 01/3/2017 thực hiện lập quy hoạch chi tiết sau quy hoạch chung.

(iv) Quy định cụ thể các cấp độ quy hoạch phải thông qua Hội đồng nhân
dân các cấp.

(v) Quy hoạch nông thôn không có quy định điều chỉnh cục bộ quy hoạch
ảnh hưởng lớn tới các điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại nông thôn khi có
yếu tố phát sinh ngoài dự kiến, định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền
phê duyệt. Nội dung này cần được xem xét, bổ sung.

(vi) Luật Quy hoạch đô thị và Luật Xây dựng chưa quy định cụ thể, chưa có
Nghị định, Thông tư hướng dẫn quy trình, hình thức tài trợ lập quy hoạch. Chưa
có quy định về việc tài trợ bằng sản phẩm đồ án quy hoạch nên địa phương lúng
 túng thực hiện trong khi công tác quy hoạch, phù kin quy hoạch chủ yếu dựa vào
nguồn ngân sách hạn hẹp của các địa phương. Đề nghị quy định cụ thể quy trình,
thủ tục, hình thức tài trợ lập quy hoạch trong Luật hoặc các văn bản quy phạm
pháp luật của các bộ, ngành Trung ương”.

Bộ Xây dựng xin trả lời như sau:



Hiện nay, Bộ Xây dựng đang thực hiện rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng¹, chủ trì lập hồ sơ đề nghị, xây dựng dự án Luật điều chỉnh về quy hoạch đô thị và nông thôn theo Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và phân công của Chính phủ (dự kiến trình Quốc hội dự án Luật năm 2023-2024). Các tồn tại, hạn chế, bất cập của quy định pháp luật về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và pháp luật có liên quan sẽ tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện trong quá trình xây dựng Luật điều chỉnh về quy hoạch đô thị và nông thôn.

(i) Về các cấp độ quy hoạch, quy mô lập quy hoạch phân khu:

Theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, các đô thị và khu chức năng được lập với 03 cấp độ quy hoạch là chung - phân khu - chi tiết; quy hoạch xây dựng nông thôn gồm 02 cấp độ là quy hoạch chung xây dựng xã và quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn (không quy định lập quy hoạch phân khu). Quy hoạch chung đô thị (trừ thị trấn), quy hoạch chung xây dựng khu chức năng là cơ sở để lập quy hoạch phân khu; quy hoạch phân khu được lập để cụ thể hóa quy hoạch chung, làm cơ sở xác định dự án đầu tư xây dựng và lập quy hoạch chi tiết. Pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng cũng quy định về nguyên tắc tuân thủ và yêu cầu đối với quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng.

Pháp luật hiện hành không quy định cụ thể quy mô lập quy hoạch phân khu đô thị, việc xác định quy mô khu vực lập quy hoạch phân khu thuộc thẩm quyền của cơ quan lập, phê duyệt quy hoạch, trên cơ sở phù hợp với quy hoạch chung, đảm bảo vai trò, chức năng của quy hoạch phân khu theo quy định. Đối với khu chức năng, quy hoạch phân khu xây dựng được lập cho khu vực chức năng có quy mô dưới 500 héc ta; đối với các khu công nghiệp, khu chế xuất (không có nhiều thành phần chức năng sử dụng đất như đô thị, khu chức năng khác) có quy mô diện tích dưới 200 ha và cụm công nghiệp (đơn chức năng) thì tiến hành lập ngay quy hoạch chi tiết xây dựng để làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục chỉ đạo rà soát các quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng để đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển, trong đó gồm quy định về các cấp độ quy hoạch, quy mô lập quy hoạch phân khu để đảm bảo thống nhất, đồng bộ quy định về quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng.

(ii) Vấn đề liên quan đến việc lập quy hoạch chung xây dựng xã:

Theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, quy hoạch chung đô thị là việc tổ chức không gian, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình hạ tầng xã hội và nhà ở cho một đô thị phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đô thị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững; quy hoạch chung đô thị được lập cho các thành phố, thị xã, thị trấn và đô thị mới, làm cơ sở định hướng đầu tư xây dựng, phát triển đô thị.

Theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, quy hoạch chung xây dựng xã xác định tiềm năng, động lực phát triển, quy mô dân số, lao động, đất đai, mạng lưới điểm dân cư nông thôn; định hướng tổ chức không gian tổng thể toàn

¹ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Luật Xây dựng năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, quy định chi tiết.

xã; định hướng phát triển các khu chức năng sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, nhà ở, dịch vụ và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, làm cơ sở đầu tư xây dựng, phát triển cho địa bàn xã (nông thôn).

Quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng có vai trò, tính chất, chức năng và yêu cầu riêng. Bộ Xây dựng ghi nhận ý kiến của cử tri tỉnh Gia Lai nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định về cấp độ quy hoạch đảm bảo phù hợp với từng đối tượng lập quy hoạch, thuận tiện cho tổ chức thực hiện.

(iii) Việc lập quy hoạch xây dựng đối với các xã thuộc thành phố, thị xã:

Theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, quy hoạch phân khu đô thị được lập cho các khu vực trong thành phố, thị xã và đô thị mới (điểm b khoản 1 Điều 18); đồ án quy hoạch phân khu đã được phê duyệt là cơ sở để xác định các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị và lập quy hoạch chi tiết (khoản 4 Điều 29). Do đó, các khu vực phát triển đô thị được xác định trong quy hoạch chung đô thị được phê duyệt (trừ thị trấn) cần thực hiện lập các quy hoạch phân khu đô thị làm cơ sở để xác định các dự án đầu tư xây dựng và lập quy hoạch chi tiết theo quy định.

Theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, quy hoạch xây dựng nông thôn gồm 02 cấp độ là quy hoạch chung xây dựng xã và quy hoạch chi tiết điểm dân cư nông thôn, không quy định lập quy hoạch phân khu. Đối với khu vực ngoại thị, không thuộc khu vực phát triển đô thị, căn cứ Điều 16 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ, các xã phát triển được lập quy hoạch chung xây dựng xã để cụ thể hóa quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện, quy hoạch chung thành phố, thị xã, làm cơ sở lập các quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn và lập các dự án đầu tư xây dựng.

(iv) Về kiến nghị quy định cụ thể các cấp độ quy hoạch phải thông qua Hội đồng nhân dân các cấp:

Việc báo cáo, thông qua Hội đồng nhân dân các cấp đối với các cấp độ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đã được quy định tại Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, Luật Xây dựng năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, quy định chi tiết thi hành. Cụ thể: Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, thị trấn có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về quy hoạch chung đô thị trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (khoản 6 Điều 44 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009); Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt (khoản 4 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014)...

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trong việc quyết định quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trong phạm vi được phân quyền theo quy định của pháp luật và Hội đồng nhân dân cấp huyện trong việc quyết định quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện trong phạm vi được phân quyền cũng được quy định tại pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương (Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015).

Quy định về việc báo cáo, thông qua Hội đồng nhân dân các cấp đối với các cấp độ quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng còn những nội dung chưa đồng bộ, cụ thể, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục nghiên cứu, rà soát các quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng để đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định, đảm bảo thống nhất, thuận tiện trong tổ chức thực hiện.

(v) Về kiến nghị bổ sung quy định điều chỉnh cục bộ quy hoạch nông thôn:

Pháp luật hiện hành quy định về điều chỉnh quy hoạch gồm điều chỉnh cục bộ đối với các cấp độ quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng, không quy định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch nông thôn. Qua rà soát quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, đánh giá thực tiễn triển khai thi hành pháp luật về quy hoạch xây dựng, Bộ Xây dựng đã tổng hợp, xác định các tồn tại, hạn chế, bất cập trong quy định pháp luật và khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện, gồm các vấn đề liên quan đến điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng nông thôn như ý kiến cử tri nêu. Bộ Xây dựng xin ghi nhận và sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện nội dung quy định này trong quá trình xây dựng Luật điều chỉnh về quy hoạch đô thị và nông thôn.

(vi) Đối với đề nghị bổ sung quy định về tài trợ quy hoạch:

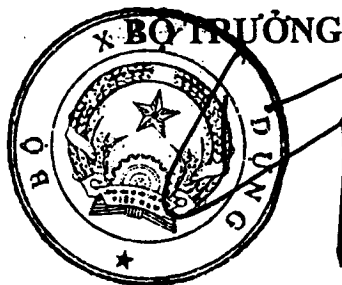
Về hình thức tài trợ lập quy hoạch, pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng quy định nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ kinh phí để lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng (khoản 2 Điều 12 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; khoản 2 Điều 19 Luật Xây dựng năm 2014), không quy định hình thức tài trợ bằng sản phẩm đồ án quy hoạch. Việc tài trợ bằng sản phẩm đồ án quy hoạch không đáp ứng được các yêu cầu về lựa chọn phương án quy hoạch, đảm bảo quy định về lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch theo pháp luật về đấu thầu. Quy trình tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí tài trợ để lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng thực hiện theo quy định pháp luật liên quan (tài chính, ngân sách...).

Bộ Xây dựng tiếp tục phối hợp với các Bộ ngành liên quan trong việc nghiên cứu, rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến quy trình tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí tài trợ để lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng.

Trên đây là trả lời của Bộ Xây dựng đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai gửi tới Quốc hội sau kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV. Bộ Xây dựng chân thành cảm ơn sự quan tâm của cử tri và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai đối với ngành Xây dựng trong thời gian qua và mong muốn tiếp tục nhận được nhiều ý kiến đóng góp trong thời gian tới. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Dân nguyện;
- ĐCT UBTWMTTQVN;
- Tổng thư ký Quốc hội;
- Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;
- TT. HĐND, UBND tỉnh Gia Lai;
- Lưu: VT, Vụ QHKT.



Nguyễn Thanh Nghị

Số: 9509/BGTVT-CQLXD

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2022

V/v trả lời kiến nghị cử tri tỉnh
Gia Lai gửi tới sau Kỳ họp thứ 3,

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI	
Số:.....	5769
ĐẾN	Ngày: 21/9/2022
Chuyển:	Bộ Giao thông vận tải
Số và ký hiệu hồ:	nguyên chuyển đến theo Công văn số 685/BDN ngày 29/7/2022, nội dung kiến nghị như sau.

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

“Đề nghị Bộ Giao thông vận tải có phương án giải quyết phần đất dành cho chi giới hành lang bảo vệ công trình đường Quốc lộ 19 chưa thu hồi, bồi thường cho người dân đối với Dự án Tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên đoạn qua huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai, đề nghị 02 phương án:

- Phương án 1: Thu hồi và bồi thường 15m mà Nhà nước đã cấm mốc lộ giới (vì đây là đất người dân đã được nhà nước trao quyền sử dụng đất).

- Phương án 2: Cho người dân được chuyển đổi mục đích sử dụng đất, như: Làm nhà và các công trình khác để tránh lãng phí đất đai.”

Trước tiên, Bộ Giao thông vận tải (GTVT) trân trọng cảm ơn cử tri và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai đã quan tâm, góp ý đối với công tác quản lý, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai nhằm giúp công tác quản lý nhà nước của Bộ GTVT ngày càng tốt hơn, đáp ứng nhu cầu của xã hội và người dân. Về nội dung kiến nghị của cử tri nêu trên, Bộ Giao thông vận tải xin trả lời như sau:

Theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt¹: Quốc lộ 19 từ Cảng Quy Nhơn đến cửa khẩu Lệ Thanh, chiều dài 243km, hướng tuyến cơ bản theo hiện trạng, quy mô tiêu chuẩn kỹ thuật đường cấp III; theo cấp đường, phần đất để bảo vệ công trình và hành lang an toàn đường bộ² là 15m. Hiện nay, Chủ đầu tư dự án (Ban QLDA 2) đã phối hợp với chính quyền địa phương cơ bản hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng đối với phần đất để xây dựng dự án. Đối với hành lang an toàn đường bộ³, Chủ đầu tư đã hoàn thành cấm cọc mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ và bàn giao cho địa phương để tổ chức quản lý theo quy định⁴.

¹ Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

² Đất dành cho công trình (bảo vệ, bảo trì) đường bộ được xác định từ mép ngoài cùng của nền đường ra mỗi bên 02 mét đối với đường cấp III và đất hành lang an toàn đường bộ (bảo đảm an toàn giao thông và bảo vệ công trình đường bộ) tính từ đất của đường bộ trở ra hai bên 13 mét đối với đường cấp III.

³ Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP của Chính phủ: “Đối với đất hành lang an toàn đường bộ: Chủ đầu tư tiến hành cấm mốc giới hạn để bàn giao cho địa phương và cơ quan quản lý đường bộ quản lý theo quy định như đối với hành lang đường bộ đang khai thác. Trường hợp công trình và các tài sản khác nằm trong hành lang an toàn đường bộ ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn giao thông, an toàn công trình đường bộ thì chủ đầu tư tiến hành xác định mức độ ảnh hưởng, phối hợp cùng cơ quan quản lý đất đai của địa phương lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai.”

⁴ Điều 15 và 16 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

Theo quy định của pháp luật hiện hành (Luật Giao thông đường bộ)⁵, phần đất dành cho hành lang bảo vệ công trình đường bộ không được chuyển đổi mục đích sử dụng để làm nhà hoặc các công trình khác.

Đối với phần đất nằm trong hành lang an toàn đường bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho chủ công trình theo quy định của pháp luật (không thực hiện việc thu hồi, bồi thường toàn bộ hành lang an toàn đường bộ).

Trên đây là ý kiến trả lời của Bộ GTVT đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri. Một lần nữa, Bộ GTVT trân trọng cảm ơn và rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, góp ý của cử tri về mọi lĩnh vực hoạt động của ngành Giao thông vận tải nhằm phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội và nhân dân trong thời gian tới. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Lê Anh Tuấn;
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban TWMTTQ Việt Nam;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Gia Lai;
- Văn phòng Bộ (để tổng hợp);
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, CQLXD.



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thể

⁵ Khoản 4 Điều 43 Luật Giao thông đường bộ quy định: "Người đang sử dụng đất được pháp luật thừa nhận mà đất đó nằm trong hành lang an toàn đường bộ thì được tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích đã được xác định và không được gây cản trở cho việc bảo vệ an toàn công trình đường bộ. Trường hợp việc sử dụng đất gây ảnh hưởng đến việc bảo vệ an toàn công trình đường bộ thì chủ công trình và người sử dụng đất phải có biện pháp khắc phục, nếu không khắc phục được thì Nhà nước thu hồi đất và bồi thường theo quy định của pháp luật." Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP: "... UBND cấp tỉnh xác định và quản lý quỹ đất dành cho xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy hoạch đã được phê duyệt"; Khoản 5 Điều 40 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP quy định: "Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 5. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện trong các lĩnh vực sau đây: a) Bảo vệ các công trình đường bộ trên địa bàn huyện; b) Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ, đặc biệt là việc giao đất, cấp Giấy phép xây dựng dọc theo đường bộ; c) Giải tỏa các công trình vi phạm về bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trong phạm vi của huyện.".

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4590/BNV-TL

Hà Nội, ngày 17 tháng 9 năm 2022

V/v trả lời kiến nghị của cử tri
gửi tới Quốc hội sau kỳ họp thứ 3,
Quốc hội khóa XV

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH GIA LAI	
Số:.....5861.....	2022
ĐẾN	
Ngày: 23.1.9.2022	Bộ Nội vụ
Chuyển:.....	nguyên thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội
Số và ký hiệu HS: 685/BDN	ngày 29 tháng 7 năm 2022, nội dung kiến nghị như sau:

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai ✓

Bộ Nội vụ nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Ban Dân
Chuyển:..... nguyên thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến theo công văn số
Số và ký hiệu HS: 685/BDN ngày 29 tháng 7 năm 2022, nội dung kiến nghị như sau:

“Đề nghị nghiên cứu trình Chính phủ xem xét triển khai đề án cải cách
tiền lương hoặc sớm thực hiện đề án vị trí việc làm nhằm góp phần cải thiện thu
nhập, đảm bảo đời sống cho cán bộ, công chức, viên chức.” (câu số 38).

Bộ Nội vụ trả lời như sau:

Chế độ tiền lương hiện hành đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực
lượng vũ trang được thực hiện từ tháng 10 năm 2004 đến nay đã phát sinh
nhiều hạn chế, bất cập. Để khắc phục những hạn chế, bất cập này, tại Hội nghị
Trung ương 7 Khóa XII của Đảng đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày
21 tháng 5 năm 2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công
chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Trên
cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 107/NQ-CP ngày 16 tháng 8
năm 2018 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số
27-NQ/TW, trong đó đã phân công nhiệm vụ cho Bộ Nội vụ và các Bộ, cơ quan
liên quan xây dựng cụ thể các nội dung của chế độ tiền lương mới để thực hiện
từ năm 2021 theo lộ trình ghi tại Nghị quyết số 27-NQ/TW. Tuy nhiên, do tác
động của nhiều yếu tố bất lợi, đặc biệt là ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19
nên Hội nghị Trung ương 13 khóa XII và Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII đã
chỉ đạo lùi thời điểm thực hiện cải cách chính sách tiền lương mới theo Nghị
quyết số 27-NQ/TW vào thời điểm phù hợp. Theo đó, trong các Nghị quyết của
Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước từ năm 2020 đến năm 2022 (Nghị
quyết số 122/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020, Nghị quyết số
128/2020/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2020 và Nghị quyết số 34/2021/QH15
ngày 13 tháng 11 năm 2021) thì trong năm 2020, năm 2021 và năm 2022 chưa
bố trí kinh phí để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở đối với cán bộ, công
chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Trong thời gian từ nay đến khi thực hiện chế độ tiền lương mới, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tiếp tục nghiên cứu xây dựng các nội dung cụ thể của chế độ tiền lương mới gắn với vị trí việc làm theo kiến nghị của cử tri; đồng thời căn cứ tình hình kinh tế - xã hội, khả năng ngân sách nhà nước năm 2022 và những năm tiếp theo trình Chính phủ để báo cáo Trung ương và Quốc hội thời điểm thực hiện cải cách chính sách tiền lương để tăng lương cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, bảo đảm phù hợp với yêu cầu tại Nghị quyết số 27-NQ/TW của Trung ương.

Trên đây là trả lời của Bộ Nội vụ đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai; ✓
- Ban Dân nguyện thuộc UBTWQH; ✓
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ trưởng Phạm Thị Thanh Trà;
- Thứ trưởng Nguyễn Duy Thắng;
- Trung tâm Thông tin;
- Văn phòng Bộ (Phòng THPTK);
- Lưu: VT, Vụ TL.

BỘ TRƯỞNG



Phạm Thị Thanh Trà

BỘ CÔNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1262/BCA-V01**

V/v trả lời kiến nghị của cử tri
sau Kỳ họp thứ 3, QH khoá XV

Hà Nội, ngày **20** tháng 9 năm 2022

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND TỈNH GIA LAI	
Số:..... 5768	ĐẾN
Ngày:..... 21/9/2022	
Chuyển:..... nguyên, Ủy ban	
Số và ký hiệu HS:..... ngày 29/7/2022	

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Bộ Công an nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Ban Dân
Thường vụ Quốc hội chuyển đến theo Công văn số 685/BDN
ngày 29/7/2022, nội dung như sau:

**“Đề nghị sớm ban hành Nghị định hướng dẫn chi tiết thực hiện Luật An
ninh mạng năm 2018”.** (Kiến nghị số 13)

Bộ Công an trả lời như sau:

Ngày 15/8/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2022/NĐ-CP
quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng. Nghị định có hiệu lực thi
hành từ ngày 01/10/2022. Bộ Công an sẽ phối hợp với các bộ, ngành liên quan
xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Nghị định, trong đó tập trung
vào công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị định và tập huấn, hướng
dẫn các cơ quan đơn vị tổ chức triển khai quy định của Nghị định bảo đảm đồng
bộ, hiệu quả.

Trân trọng gửi đến Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Đ/c Bộ trưởng Bộ Công an;
- Đ/c Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP;
- Đ/c Tổng Thư ký QH, Chủ nhiệm VPQH;
- Ban Dân nguyên, UBTVQH;
- Vụ Nội chính và Vụ III, VPCP;
- A05, V03 (để đề xuất, thực hiện);
- Giám đốc CAT Gia Lai (để thực hiện);
- Lưu: VT, V01(P3).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trung tướng Lê Quốc Hùng

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6291** /BNN-TT

V/v trả lời kiến nghị cử tri sau kỳ
họp thứ 3, Quốc hội khóa XV

Hà Nội, ngày **21** tháng **9** năm 2022

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH GIA LAI

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai ✓

Số: **575**

ĐẾN Ngày: **24/9/2022**

Chuyển: **do Ban Dân nguyện**

Số và ký hiệu: **18/2022**

Nông nghiệp và PTNT đã nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia lai,
Chuyển: **do Ban Dân nguyện** chuyển đến theo công văn số 685/BDN ngày 29 tháng 7
năm 2022, nội dung kiến nghị như sau:

Nội dung kiến nghị (Câu số 39)

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm chỉ đạo hỗ trợ giống cây trồng kháng bệnh cho tỉnh Gia Lai để đảm bảo sản xuất nông nghiệp. Áp dụng chỉ định thầu trong việc mua vật tư nông nghiệp hỗ trợ, khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và mua vắc xin phòng, dịch bệnh trên vật nuôi. Hỗ trợ tinh 100% kinh phí mua vắc xin phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm trên vật nuôi, như: Lở mồm long móng, dịch tả lợn Châu Phi.

Bộ Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

1. Đối với việc hỗ trợ giống cây trồng cho các địa phương từ nguồn giống cây trồng dự trữ quốc gia khi bị thiệt hại do thiên tai dịch bệnh gây ra: Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT được Chính phủ giao nhiệm vụ dự trữ Quốc gia về giống cây trồng (lúa, ngô và rau). Hàng năm, để mua giống đưa vào dự trữ, Bộ đã chỉ đạo đơn vị chuyên môn có văn bản gửi các địa phương đề xuất cơ cấu giống đưa vào dự trữ. Căn cứ đề xuất của các địa phương, Bộ giao cho các đơn vị thực hiện mua hàng dự trữ đảm bảo yêu cầu chung của các tỉnh (trong đó có tỉnh Gia Lai), đồng thời ưu tiên các giống đang phổ biến ngoài sản xuất, có tiềm năng suất cao, chất lượng tốt và khả năng chống chịu khá với sâu bệnh.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã giao cho các đơn vị chuyên môn, Viện nghiên cứu; khuyến khích doanh nghiệp tiến hành nghiên cứu, chọn tạo và nhập nội các giống cây trồng mới có tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt và đặc biệt tăng khả năng chống chịu sâu bệnh. Hiện nay, đã nghiên cứu, chọn tạo và nhập nội được nhiều giống cây trồng có nhiều đặc điểm tốt và khả năng chống chịu sâu bệnh khá như: giống sắn kháng bệnh khảm lá sắn của Viện Di truyền Nông nghiệp (HN1, HN3, HN5, HN36, HN80, HN97); giống lúa chống chịu bệnh đạo ôn, bạc lá (BC15 chứa gen kháng đạo ôn, Bắc thơm 7 chứa gen kháng bạc lá,...); giống ngô chuyển gen kháng sâu bộ cánh vảy, kháng thuốc trừ cỏ, sâu keo mùa

thu (NK67Bt/GT, NK4300Bt/GT, NK7328Bt/GT, C.P.501S,...); giống chanh leo (Quê phong 1 và Nafoods 1);...

Đề nghị UBND tỉnh Gia Lai chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT liên hệ với các Viện Nghiên cứu và các đơn vị sản xuất kinh doanh giống cây trồng để đưa các giống mới để thử nghiệm, mở rộng sản xuất góp phần nâng cao giá trị sản xuất và đảm bảo sản xuất an toàn.

2. Trong trường hợp đơn vị, cơ quan, ban ngành (đơn vị) của địa phương cần mua vật tư nông nghiệp, vắc xin, hóa chất phòng, chống dịch bệnh trên vật nuôi để kịp thời hỗ trợ, khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trong tình huống cấp bách, đơn vị có thể báo cáo cơ quan có thẩm quyền của địa phương thẩm định, cho phép áp dụng thủ tục mua sắm bằng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13; đồng thời thực hiện đúng, đầy đủ quy định về chỉ định thầu tại Điều 22 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

3. Tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y quy định: *“Ngân sách địa phương bố trí kinh phí phòng, chống dịch bệnh động vật tại địa phương. Trường hợp kinh phí phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định”*.

Để triển khai đồng bộ các biện pháp kiểm soát bệnh Lở mồm long móng và Dịch tả lợn Châu Phi, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành “Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, giai đoạn 2019-2025” (kèm theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 07/7/2020) và “Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh Lở mồm long móng, giai đoạn 2021-2025” (kèm theo Quyết định số 1632/QĐ-TTg ngày 22/10/2020). Tại các Chương trình, Kế hoạch quốc gia này, đều có quy định cụ thể về ngân sách phòng, chống dịch bệnh, trong đó có tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi.

Cụ thể, tại “Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh Lở mồm long móng, giai đoạn 2021-2025” quy định: *“Ngân sách Trung ương đảm bảo kinh phí cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ chi của các cơ quan Trung ương; Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí cho các hoạt động của tuyến địa phương, bao gồm mua vắc xin Lở mồm long móng để tiêm phòng đối với đàn gia súc thuộc diện tiêm phòng. Đối với các địa phương còn khó khăn, chưa tự cân đối được ngân sách, báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ*

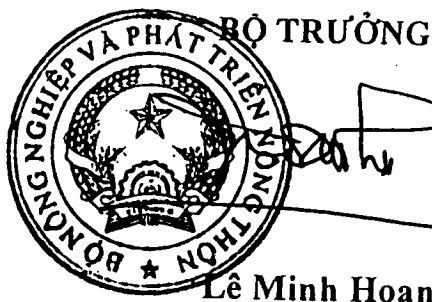
giao bổ sung ngân sách hằng năm cho địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để có đủ nguồn thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh. Trường hợp dịch bệnh bùng phát, có chiều hướng lây lan diện rộng, địa phương không đảm bảo đủ lượng vắc xin, hóa chất để kịp thời phòng, chống dịch bệnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định xuất cấp hỗ trợ từ nguồn dự trữ quốc gia theo quy định của Luật Dự trữ quốc gia”.

Trên cơ sở các quy định nêu trên, Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai có ý kiến với Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp có thẩm quyền của tỉnh Gia Lai căn cứ tình hình chăn nuôi gia súc trên địa bàn, nguồn lực của địa phương, xây dựng kế hoạch chi tiết và bố trí nguồn lực của địa phương theo phân cấp để tổ chức triển khai có hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch quốc gia do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để bảo đảm cho công tác phòng, chống dịch bệnh động vật. Trường hợp kinh phí mua vắc xin phòng các bệnh nguy hiểm trên vật nuôi vượt quá khả năng cân đối ngân sách của địa phương, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai có báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Trên đây là trả lời của Bộ Nông nghiệp và PTNT đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai; trân trọng cảm ơn cử tri tỉnh Gia Lai đã quan tâm đến sự phát triển của ngành nông nghiệp, nông thôn; xin gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng Lê Quốc Doanh;
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ QHDP);
- Văn phòng Bộ (Phòng Tổng hợp);
- Lưu: VT, TT.



**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6293** /BNN-KTHT

Hà Nội, ngày **21** tháng **9** năm **2022**

V/v trả lời kiến nghị của
cử tri sau Kỳ họp thứ 3,

Quốc hội khóa XV

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH GIA LAI

Số:.....**5813**.....

ĐẾN Ngày: **24/9/2022**

Chuyển:.....

Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Văn phòng Chính phủ chuyển đến theo công văn số 5060/VPCP-QHĐP, ngày 10 tháng 8 năm 2022, nội dung kiến nghị như sau:

Nội dung kiến nghị (Câu số 37)

Đề nghị Chính phủ sớm ban hành các giải pháp, hướng dẫn cụ thể đối với các chính sách đã ban hành áp dụng tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 nay không còn nằm trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

Bộ Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

Tại Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 08/6/2022 của Chính phủ đã có chỉ đạo "Các Bộ: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao khẩn trương đề xuất giải pháp cụ thể đối với các chính sách đã ban hành áp dụng tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020 nay không còn nằm trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong tháng 7 năm 2022".

Hội đồng Dân tộc của Quốc hội đã có báo cáo khảo sát tác động của việc phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển đến việc thực hiện chính sách dân tộc và kiến nghị chi tiết kèm theo (Văn bản số 489/BC-HĐDT15 ngày 08/7/2022).

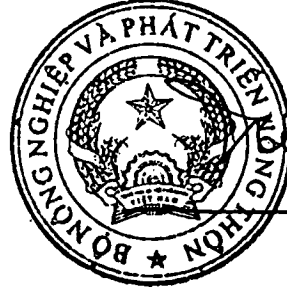
Theo đó, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 4953/VPCP-QHĐP ngày 05/8/2022 chỉ đạo và phân công Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan để nghiên cứu, đề xuất phương án và giải pháp cụ thể với các chính sách đã ban hành áp dụng tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 nay không còn nằm trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 để tổng hợp, báo cáo Chính phủ trong tháng 8 năm 2022.

Trên đây là trả lời của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với kiến nghị cử tri Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai; trân trọng cảm ơn cử tri Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai đã quan tâm đến sự phát triển của ngành nông nghiệp, nông thôn; xin gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ QHĐP);
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng Trần Thanh Nam;
- Ủy ban Dân tộc;
- VP Bộ (Phòng Tổng hợp);
- Lưu: VT, KTHT.

BỘ TRƯỞNG



Lê Minh Hoan

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6294** /BNN-TCLN

Hà Nội, ngày **21** tháng **9** năm **2022**

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới
sau kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND
TỈNH GIA LAI

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai ✓

Số:.....**5714**.....

ĐẾN Ngày: **24/9/2022**

Chuyển:.....**Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** nhận được kiến nghị của cử tri

Số và ký hiệu **HStỉnh Gia Lai** do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 685/BDN, ngày

29 tháng 7 năm 2022, nội dung kiến nghị như sau:

Nội dung kiến nghị (Câu số 36)

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét nâng mức phụ cấp, chế độ, chính sách đối với người trồng rừng cũng như tăng số lượng Kiểm lâm viên phụ trách địa bàn.

Bộ Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

1. Thời gian qua, mặc dù ngân sách nhà nước còn nhiều khó khăn, nhưng Chính phủ đã quan tâm, ban hành các chính sách về bảo vệ và phát triển rừng theo hướng nâng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng; theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, một số chính sách hiện hành về trồng rừng được tiếp tục thực hiện gồm: Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp, trong đó đã nâng mức hỗ trợ so với giai đoạn 2011-2015, Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ ban hành cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020, Nghị định số 119/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về chính sách quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu thực hiện.

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định về chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản trong lâm nghiệp; trong đó có chính sách hỗ trợ phát triển rừng, trồng rừng như kiến nghị của cử tri, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

2. Thực hiện Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức thì chỉ tiêu biên chế công chức nói

chung và công chức Kiểm lâm nói riêng căn cứ vào vị trí việc làm, khối lượng công việc, mức độ hiện đại hóa về trang thiết bị, phương tiện làm việc, ứng dụng công nghệ thông tin và tình hình thực tiễn của từng địa phương. Do vậy, việc sắp xếp, điều chỉnh công chức cần căn cứ vào tình hình thực tiễn về công tác quản lý, bảo vệ rừng ở địa phương, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng đề án vị trí việc làm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang xây dựng Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, trong đó có định mức biên chế đối với Kiểm lâm theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP.

Trên đây là trả lời của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai; trân trọng cảm ơn cử tri tỉnh Gia Lai đã quan tâm đến sự phát triển của ngành nông nghiệp, nông thôn; xin gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- Thứ trưởng Lê Quốc Doanh;
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ QHĐP);
- VP Bộ (Phòng Tổng hợp);
- Lưu: VT, TCLN.

